

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK R'LẤP
TỈNH ĐẮK NÔNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 38/2023/DS-ST

Ngày: 08-9-2023

*“V/v: Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK R'LẤP TỈNH ĐẮK NÔNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Đoàn Minh Hương.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Huệ và bà Lê Thị Nguyệt.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chính – Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Đắc R’Lấp, tỉnh Đắc Nông.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đắc R’Lấp, tỉnh Đắc Nông tham gia phiên tòa: Ông Lê Minh Giáp – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2023 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đắc R’Lấp, tỉnh Đắc Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 94/2023/TLST – DS ngày 24 tháng 4 năm 2023, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2023/QĐST-DS ngày 24 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà V, sinh năm 1994. Địa chỉ: Thôn Q, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông.

Bị đơn: Ông L, sinh năm 1973 và bà N. Cùng địa chỉ: Thôn B, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông T, sinh năm 1990. Địa chỉ: Thôn Q, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông (Là chồng của bà V).

(Điều vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà V trình bày:

Ngày 23-6-2020, bà V cho ông L và bà N vay số tiền 80.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất. Hạn trả ngày 23-8-2020. Người viết giấy vay là ông T – chồng bà V, nhưng ông T không liên quan trong khoản vay này. Đây là tiền riêng của bà V. Việc vay tiền chỉ liên quan bà V, ông L và bà N. Do đó đề nghị Tòa án không đưa người khác vào tham gia tố tụng trong vụ án. Đến hạn ông L và bà N chưa trả tiền, nên nay bà V yêu cầu trả số tiền đã vay là 80.000.000 đồng, lãi suất chậm trả theo quy định Bộ luật Dân sự từ ngày 24-8-

2020 đến ngày hòa giải ngày 23-8-2023. Ấn định thời hạn trả 01 đợt, thời hạn là 01 tháng kể từ ngày lập biên bản hòa giải, tức ngày 24-9-2023 phải trả nợ. Trường hợp ông L và bà N không đồng ý với phương thức và thời hạn trả tiền trên, đề nghị Tòa án giải quyết thời hạn trả nợ theo quy định của pháp luật. Về án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Bị đơn ông L và bà N trình bày:

Ông bà thừa nhận ngày 23-6-2020 ông bà có vay của bà V số tiền 80.000.000 đồng, thời hạn trả ngày 23-8-2020, không thỏa thuận lãi suất. Chồng bà V là người viết giấy vay (viết tay), ông bà và bà V cùng ký tên trong giấy vay. Đến hạn ngày 23-8-2020 ông bà chưa có khả năng trả nợ. Khi vay, các bên hoàn toàn tự nguyện, minh mẫn, không bị ép buộc. Số tiền vay không liên quan đến bất cứ ai khác. Đề nghị không đưa người khác vào tham gia tố tụng.

Nay bà V khởi kiện yêu cầu trả số tiền 80.000.000 đồng thì ông bà đồng ý. Về lãi suất chậm trả: Theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, phương thức trả là trả 01 đợt, thời hạn là 01 tháng kể từ ngày 23-8-2023, tức ngày 23-9-2023, thì ông bà không đồng ý. Ông bà đề nghị gia hạn đến khi thu hoạch cà phê xong. Nếu bà V không đồng ý với phương thức và thời hạn trả nêu trên, thì đề nghị Tòa án giải quyết thời hạn và phương thức trả nợ theo quy định của pháp luật. Ông bà đồng ý với việc trả số tiền nợ là 80.000.000 đồng và lãi suất chậm trả từ ngày 24-8-2020 đến ngày phải trả xong nợ theo quy định của Bộ luật Dân sự.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông T:

Ông T là chồng của bà V. Ngày 23-6-2020, ông T có viết giúp bà V giấy vay tiền (viết giấy tay), giữa bà V và ông L, bà N thỏa thuận và cho vay số tiền cụ thể như thế nào thì ông T không rõ. Tiền cho vay là của riêng bà V, ông T không liên quan, đề nghị không đưa ông vào tham gia tố tụng trong vụ án,

Với yêu cầu khởi kiện của bà V, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, ông L và bà N có trách nhiệm trả tiền cho bà V theo quy định.

- Tại buổi hòa giải ngày 23-8-2023:

Nội dung thống nhất: Ông L và bà N đồng ý trả cho bà V số tiền 80.000.000 đồng và lãi suất chậm trả từ ngày 24-8-2020 đến ngày xét xử.

Về án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Nội dung không thống nhất:

+ Nguyên đơn: Bà V yêu cầu phương thức trả tiền (nợ gốc là 80.000.000 đồng và lãi suất chậm trả theo quy định của Bộ luật Dân sự) là 01 đợt, thời hạn là 01 tháng từ ngày hòa giải, tức ngày 23-9-2023 phải trả nợ. Trường hợp ông L và bà N không đồng ý với phương thức và thời hạn trả tiền trên, đề nghị Tòa án giải quyết bị đơn trả số tiền 80.000.000 đồng, lãi suất chậm trả từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ ngày 24-8-2020 cho đến ngày xét xử theo quy định của Bộ luật Dân sự. Về phương thức và thời hạn trả nợ thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

+ Bị đơn: Ông L và bà N không đồng ý phương thức và thời hạn trả nêu trên, đề nghị gia hạn đến lúc thu hoạch cà phê xong.

Nếu bà V không đồng ý với phương thức và thời hạn trả nêu trên, thì đề nghị Tòa án giải quyết thời hạn và phương thức trả nợ theo quy định của pháp luật. Ông bà đồng ý với việc trả số tiền nợ là 80.000.000 đồng và lãi suất chậm trả từ ngày 24-8-2020 đến ngày phải trả xong nợ theo quy định của Bộ luật Dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, các đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử vụ án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, đương sự thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà V.

Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ đơn khởi kiện và quá trình giải quyết, nguyên đơn bà V yêu cầu bị đơn ông L và bà N trả số tiền đã vay là 80.000.000 đồng theo giấy viết tay đề ngày 23-6-2020 và lãi suất do vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Bị đơn ông L và bà N có địa chỉ tại Thôn B, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, xác định đây là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp, theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự.

Tại phiên tòa, các đương sự đều vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà V:

[2.1] Ngày 23-6-2020 bà V cho vợ chồng ông L và bà N vay số tiền 80.000.000 đồng, không có lãi suất, thời hạn trả là ngày 23-8-2020. Đến hạn, ông L và bà N chưa trả đủ số tiền đã vay trên.

Đây là hợp đồng vay tài sản theo quy định tại 463 của Bộ luật Dân sự và đã phát sinh hiệu lực. Đến hạn trả nợ vay nhưng ông L và bà N không thực hiện nghĩa vụ trả tiền là vi phạm thỏa thuận mà hai bên đã ký kết ngày 23-6-2020, được quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà V nên bà V khởi kiện yêu cầu ông L và bà N trả số tiền 80.000.000 đồng là có căn cứ.

Điều 463 của Bộ luật Dân sự:

“Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản

cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định”.

Điều 466 của Bộ luật Dân sự:

“1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”.

...

Quá trình giải quyết, các bên đều thừa nhận ngày 23-6-2020 ông L và bà N vay của bà V số tiền 80.000.000 đồng, thời hạn trả ngày 23-8-2020, không có lãi suất. Chồng bà V là người viết giấy vay (viết tay), ông L, bà N và bà V cùng ký tên trong giấy vay. Đến hạn ngày 23-8-2020 ông bà chưa có khả năng trả nợ. Khi vay, các bên hoàn toàn tự nguyện, minh mẫn, không bị ép buộc. Số tiền vay không liên quan đến bất cứ ai khác. Đề nghị không đưa người khác vào tham gia tố tụng. Về án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ông T là chồng của bà V, thừa nhận ngày 23-6-2020, ông T có viết giúp bà V giấy vay tiền (viết giấy tay), giữa bà V và ông L, bà N thỏa thuận và cho vay số tiền cụ thể như thế nào thì ông T không rõ. Tiền cho vay là của riêng bà V, ông T không liên quan, đề nghị không đưa ông vào tham gia tố tụng trong vụ án. Với yêu cầu khởi kiện của bà V, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, ông L và bà N có trách nhiệm trả tiền cho bà V theo quy định.

Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự: *“Những tình tiết, sự kiện rõ ràng mà mọi người đều được biết và được Tòa án thừa nhận”.*

[2.2] Về yêu cầu trả lãi suất: Các bên đều thừa nhận khi vay không có thỏa thuận lãi suất. Đến hạn trả nợ là ngày 23-8-2020 nhưng bị đơn chưa trả tiền, như vậy bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 24-8-2020. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả lãi suất do vi phạm nghĩa vụ trả nợ (lãi suất chậm trả) là có căn cứ.

Điều 357 của Bộ luật Dân sự trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền, khoản 1: *“Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả”*; khoản 2: *“Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này”.*

Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự về lãi suất:... *“Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ.”*

Lãi suất mà bị đơn phải trả từ ngày 24-8-2020 đến ngày xét xử là 08-9-2023, là 03 năm 14 ngày: $80.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 03 \text{ năm } 14 \text{ ngày} = 24.213.866 \text{ đồng}$.

[3] Từ những phân tích, nhận định trên, xét thấy cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn ông L và bà N phải trả cho nguyên đơn bà V tổng số tiền 104.213.866 đồng, trong đó nợ gốc là 80.000.000 đồng và lãi suất là 24.213.866 đồng.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; của Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng các điều 280, 357, 385, 401, 466, 468 của Bộ luật Dân sự. Căn cứ Điều 144, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà V đối với ông L và bà N.

Buộc ông L và bà N phải trả cho bà V tổng số tiền 104.213.866 đồng (một trăm linh bốn triệu, hai trăm mười ba nghìn, tám trăm sáu mươi sáu đồng), trong đó nợ gốc là 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng) và lãi suất là 24.213.866 đồng (hai mươi bốn triệu, hai trăm mười ba nghìn, tám trăm sáu mươi sáu đồng).

Kể từ ngày bà V có đơn yêu cầu thi hành án, thì hàng tháng ông L và bà N còn phải trả cho bà V tiền lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

Ông L và bà N phải nộp 5.210.693 đồng (năm triệu, hai trăm mười nghìn, sáu trăm chín mươi ba đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà V số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005337 ngày 24-4-2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

3. Về quyền kháng cáo:

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk R'Lấp;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Đoàn Minh Hương

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Đoàn Minh Hương